TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:249/2018/QĐST–HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 06 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 214/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Hương S, sinh năm 1984

HKTT: Tổ 1, NH, xã LS, TP.TN, tỉnh TN

Bị Đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989

HKTT: Tổ 1, NH, xã LS, TP.TN, tỉnh TN

Chỗ ở: Tổ 27, phường CH, TP TN, tỉnh TN

Căn cứ vào Điều 147, khoản 5 Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Hương S và chị Bùi Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hương S và chị Bùi Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống Anh Đỗ Hương S và chị Bùi Thị H xác định vợ chồng **c**ó 01 con chung là Đỗ Vũ Phương Th, sinh ngày 13/08/2016

Anh S, chị H thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Vũ Phương Th, sinh ngày 13/08/2016 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng/tháng) kể từ tháng 06/2018 đến khi con chung là cháu Đỗ Vũ Phương Th, sinh ngày 13/08/2016 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay chung: Anh S và chị H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Đỗ Hương S nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006209 ngày 10/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

2.5 Về lãi xuất chậm thi hành án: Các đương sự thống nhất thỏa thuận sẽ thực hiện đúng nội dung thỏa thuận cấp dưỡng theo tháng, trong trường hợp anh Sơn không thực hiện đúng thì phần lãi xuất sẽ yêu cầu tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

**** Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự TP. Thái Nguyên;
- UBND xã Linh Sơn, TP. Thái Nguyên;
- Lưu: VP, HS.

Chu Thị Bích Hiền